

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MT02012: ĐỊA LÝ CẢNH QUAN (LANDSCAPE GEOGRAPHY)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 4
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 (Lý thuyết: 2 – Thực hành: 2 - Tự học: 6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 21 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 9 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết (*theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên*)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Quản lý môi trường
 - Khoa: Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

- **Kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên**
 - **Khái quát hóa** những kiến thức cơ bản về các quy luật phân bố của cảnh quan, các thành phần cấu thành nên cảnh quan và mối quan hệ giữa chúng; các vấn đề khác liên quan đến cảnh quan học như hình thái học cảnh quan, ranh giới cảnh quan, tác động của con người nên cảnh quan;
 - **Khái quát hóa** những kiến thức về phân vùng và đánh giá cảnh quan;
 - **Vận dụng** các phương pháp luận trong phân vùng và đánh giá cảnh quan vào quản lý và khai thác tài nguyên thiên nhiên của con người theo hướng sinh thái cảnh quan bền vững.
- **Kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên:**
 - **Phối hợp** đọc và nghiên cứu và phân tích các tài liệu liên quan đến địa lý cảnh quan;
 - **Phối hợp** các kỹ năng cơ bản trong phân vùng và đánh giá cảnh quan như xây dựng bản đồ cảnh quan; xây dựng bảng mô tả cảnh quan; xác định vấn đề và xây dựng mục tiêu trong đánh giá cảnh quan; v.v
- **Thái độ: Học phần rèn luyện cho sinh viên:**
 - Xây dựng thái độ tích cực, chủ động trong quá trình học;

- Hình thành thái độ quan tâm đến thiên nhiên, môi trường và sự phát triển bền vững của xã hội trong quá trình khai thác sử dụng tài nguyên và lãnh thổ.

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
Kiến thức chuyên môn	CĐR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
	CĐR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
	CĐR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CĐR 5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng chung	CĐR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CĐR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
	CĐR8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CĐR 9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
	CĐR 10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ	CĐR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CĐR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT											
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
MT02012	Địa lý cảnh quan	P	P	P			I					I	

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Khái quát hóa được những kiến thức cơ bản về các quy luật phân bố của cảnh quan.	CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
K2	Các thành phần cấu thành nên cảnh quan và mối quan hệ giữa chúng; các vấn đề khác liên quan đến cảnh quan học như hình thái học cảnh quan, ranh giới cảnh quan, tác động của con người lên cảnh quan; mô hình biểu diễn cảnh quan	CDR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
K3	Tóm tắt được những kiến thức về phân vùng và đánh giá cảnh quan; Vận dụng được các phương pháp luận trong phân vùng và đánh giá cảnh quan vào quản lý và khai thác tài nguyên thiên nhiên của con người theo hướng sinh thái cảnh quan bền vững.	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
Kỹ năng		
K4	Phối hợp được đọc và nghiên cứu và phân tích các tài liệu liên quan đến địa lý cảnh quan;	CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
K5	Phối hợp được các kỹ năng cơ bản trong phân vùng và đánh giá cảnh quan như xây dựng bản đồ cảnh quan; xây dựng bảng mô tả cảnh quan; xác định vấn đề và xây dựng mục tiêu trong đánh giá cảnh quan; v.v	CDR 6: Vận dụng tư duy tâm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Hình thành thái độ tích cực, chủ động trong quá trình học;	CDR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
K7	Hình thành thái độ quan tâm đến thiên nhiên, môi trường và sự phát triển bền vững của xã hội trong quá trình khai thác sử dụng tài nguyên và lãnh thổ.	CDR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

MT02012: Địa lý cảnh quan (Landscape Geography) (2TC: 2 – 0 – 6).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này giới thiệu các kiến thức chung về địa lý cảnh quan gồm: lịch sử phát triển, các quy luật chi phối sự phân hóa của cảnh quan tự nhiên trên thế giới, các kiến thức liên quan đến học thuyết cảnh quan. Môn học cũng giúp sinh viên tìm hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan đến mô hình biểu diễn cảnh quan, phân vùng cảnh quan và đánh giá cảnh quan trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng
- Thảo luận / thảo luận theo nhóm thực hành
- Các nghiên cứu trường hợp
- Elearning: <http://elearning.vnua.edu.vn>
- Trao đổi, chia sẻ tài liệu trên trang fanpage “Environmental Education and Communication” và qua email điện tử.

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, phát triển giả thuyết và câu hỏi liên quan
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm
- Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các môn học khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề (giả định nào đó) đặt ra.
- Trao đổi, và nghiên cứu các tài liệu được chia sẻ trên trang fanpage và các hình thức liên lạc điện tử khác.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 70% thời gian học trên lớp (để đạt điểm chuyên cần và được phép dự thi cuối kỳ).
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc các bài báo liên quan do giảng viên cung cấp, phát triển các giả định và câu hỏi liên quan, làm các bài tập nhóm và bài tập cá nhân được giao.
- Đánh giá giữa kỳ: Sinh viên thuyết trình kết quả làm bài tập nhóm theo một số chủ đề do giáo viên chỉ định. Điểm này được tính là điểm giữa kỳ cho sinh viên.
- Thi cuối kì: Đề thi tự luận có khuyến khích khả năng tư duy của sinh viên trong xây dựng các nghiên cứu liên quan lĩnh vực môi trường (không được sử dụng tài liệu). Sinh viên được khích lệ và có quyền phát biểu chính kiến, quyền được thảo luận với giảng viên về các vấn đề học thuật liên quan

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Ma trận đánh giá các kết quả học tập mong đợi của học phần

Các KQHTMĐ của HP	Chuyên cần (10%)	Bài tập (30%)	Thi cuối kỳ (60%)
K1			x
K2			x
K3		x	x

K4		x	
K5		x	
K6	x		
K7		x	

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Hiểu và giải thích được các quy luật phân bố cơ bản của địa lý cảnh quan
K2	Chỉ báo 2: Khái quát hóa được các học thuyết cơ bản về cảnh quan như khái niệm, thành phần cấu thành, hình thái học, ranh giới cảnh quan
K2	Chỉ báo 3: Khái quát hóa và giải thích được tính động học, tác động của con người lên cảnh quan
K2	Chỉ báo 4: Trình bày được một số mô hình biểu diễn cảnh quan cơ bản
K3	Chỉ báo 5: Khái quát hóa được các kiến thức về nguyên tắc và phương pháp phân vùng cảnh quan
K3	Chỉ báo 6: Trình bày được kiến thức về đánh giá cảnh quan

Rubric 1: Đánh giá bài tập

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10	Khá 6,5-8,4	Trung bình 4,0-6,4	Kém 0-3,9
Nội dung	70	Phong phú hơn yêu cầu, chính xác, khoa học	Đầy đủ theo yêu cầu, chính xác, khoa học	Khá đầy đủ, còn thiếu một vài nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng, thiếu chính xác và khoa học
Bố cục trình bày	20	Trình bày đẹp, khoa học, logic	Trình bày đẹp, khoa học, còn mắc một số lỗi nhỏ	Trình bày tương đối, còn mắc một số lỗi quan trọng	Trình bày không đạt yêu cầu, mắc nhiều lỗi nghiêm trọng
Tính sáng tạo	10	Thể hiện tư duy logic mạch lạc, có sự sáng tạo được trình bày rõ ràng	Tư duy logic mạch lạc, đã thể hiện sự sáng tạo	Có một số điểm mới nhưng không trình bày được rõ ràng	Không có sự sáng tạo

Bảng 3: Mô tả đề thi cuối kỳ

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá	KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Kiến thức cơ bản về các quy luật phân bố của cảnh quan	Chỉ báo 1: Hiểu và giải thích được các quy luật phân bố cơ bản của địa lý cảnh quan	K1

Kiến thức về học thuyết cảnh quan, mô hình biểu diễn cảnh quan	<p><u>Chỉ báo 2:</u> Khái quát hóa được các học thuyết cơ bản về cảnh quan như khái niệm, thành phần cấu thành, hình thái học, ranh giới cảnh quan</p> <p><u>Chỉ báo 3:</u> Khái quát hóa và giải thích được tính động học, tác động của con người lên cảnh quan</p> <p><u>Chỉ báo 4:</u> Trình bày được một số mô hình biểu diễn cảnh quan cơ bản</p>	K2
Kiến thức về phân vùng và đánh giá cảnh quan;	<p><u>Chỉ báo 5:</u> Khái quát hóa được các kiến thức về nguyên tắc và phương pháp phân vùng cảnh quan</p> <p><u>Chỉ báo 6:</u> Trình bày được kiến thức về đánh giá cảnh quan</p>	K3

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Không làm bài giữa kỳ: 0 điểm
- Điểm thi cuối kỳ: Không tham gia thi cuối kỳ (và không có lý do được chấp thuận theo QĐ hiện hành): điểm 0.
- Yêu cầu về đạo đức: Tôn trọng ý kiến khác biệt và quyền cá nhân.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* **Sách giáo trình/Bài giảng:** (Liệt kê ít nhất 1 giáo trình- cập nhật mới từ 3 năm trở lại đây)

1. Ngô Thế Ân. (2019). Bài giảng Địa lý cảnh quan, Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp
2. Nguyễn Anh Thịnh. (2013). Sinh thái cảnh quan, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật

* **Tài liệu tham khảo khác:** (Liệt kê ít nhất 3 tài liệu tham khảo)

1. A.G. Ixatsenko. (1991). Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lý tự nhiên (bản dịch).NXB Khoa học và kỹ thuật. Hà Nội.
2. Nguyễn Cao Huân. (2002). Đánh giá cảnh quan.NXB Đại học quốc gia Hà Nội. Hà Nội

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của HP
1	<p>Chương 1: Giới thiệu chung về địa lý cảnh quan học</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>1.1. Lịch sử phát triển của môn học</p> <p>1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của địa lý cảnh quan học</p>	K1 – K3

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của HP
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu (9 tiết)	K6 – K7
2,3	Chương 2: Quy luật phân hóa lãnh thổ địa lý tự nhiên	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 2.1. Quy luật địa đới địa lý 2.2. Quy luật phi địa đới 2.3. Mối quan hệ giữa nhân tố địa đới và phi địa đới trong sự hình thành cảnh quan	K3 – K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Đọc các tài liệu có liên quan	K6 – K7
4,5	Chương 3: Học thuyết cảnh quan	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (6tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (4 tiết) 3.1. Định nghĩa cảnh quan 3.2. Thành phần và cấu trúc cảnh quan 3.3. Ranh giới cảnh quan 3.4. Hình thái học cảnh quan 3.5. Động học cảnh quan 3.6. Sự tác động của con người tới cảnh quan văn hóa Nội dung semina/thảo luận: (2tiết) - Vai trò của các thành phần cấu thành nên cảnh quan	K3 – K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Đọc các tài liệu có liên quan	K6 – K7
6	Chương 4: Mô hình biểu diễn cảnh quan	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết) 4.1. Mô hình hóa trong nghiên cứu cảnh quan 4.2. Mô hình biểu diễn trái đất 4.3. Mô hình biểu diễn cấu trúc và hình thái cảnh quan 4.4. Mô hình động học cảnh quan 4.5. Thực hành: Xây dựng mô hình biểu diễn cảnh quan Bài tập (1 tiết) - Thảo luận về bản đồ biểu diễn cảnh quan	K3 – K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Đọc các tài liệu có liên quan	K6 – K7
7,8	Chương 5: Phân vùng cảnh quan	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 5.1. Khái niệm phân vùng cảnh quan	K3 – K5

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của HP
	5.2. Mục tiêu phân vùng cảnh quan 5.3. Các nguyên tắc cơ bản của phân vùng 5.4. Các phương pháp phân vùng 5.5. Phân vùng cảnh quan Việt Nam 5.6. Thực hành: Phân vùng cảnh quan Bài tập : (3 tiết) - Thực hành phân vùng và xây dựng mô hình biểu diễn cảnh quan	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Đọc các tài liệu có liên quan	K6 – K7
	Chương 6: Đánh giá cảnh quan	
9,10	A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 6.1. Cơ sở lý luận đánh giá cảnh quan 6.2. Quy trình đánh giá Bài tập : (3 tiết) Thực hành: Ứng dụng đánh giá cảnh quan	K3 – K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Đọc các tài liệu có liên quan	K6 – K7

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, bảng phấn, micro
- Các phương tiện khác: internet
- E- learning

X. Các lần cải tiến

- Lần 1: 7/2016
- Lần 2: 7/ 2017
- Lần 2: 7/ 2018
- Lần 4: 7/ 2019

TRƯỞNG BỘ MÔN

ĐINH THỊ HẢI VÂN

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. NGÔ THẾ ÂN

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Ngô Thế Ân	Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Sinh thái nông nghiệp, khoa Môi trường	Điện thoại liên hệ: 0912254886
Email: ntan@vnua.edu.vn	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Liên lạc qua email hoặc gặp trực tiếp tại văn phòng bộ môn	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Hương Giang	Học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quản lý môi trường, khoa Môi trường	Điện thoại liên hệ: 0915243136
Email: nthgiang.qlmt@vnua.edu.vn ; nguyengiang.hua@gmail.com	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Liên lạc qua email hoặc gặp trực tiếp tại văn phòng bộ môn	